

# TẢN MẠN VỀ PHẬT PHÁI TRÚC LÂM THỜI TRẦN và thiền sư Huyền Quang

HƯƠNG NGUYÊN

**G**ần đây, vào một vài năm cuối của thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, đã nổi dậy một phong trào khá rầm rộ, thu hút nhiều nhà tôn giáo học, sử học, văn hóa học nghiên cứu, trở lại về Phật phái Trúc Lâm, phong trào này có lẽ khởi đầu từ các nhà tu hành, đã lôi kéo theo một số người dân hướng tâm tới, được coi là một cuộc vinh danh cho người nhà Phật! Một khác, “dư âm” của nó cũng tác động tới nhiều nhà nghiên cứu phi tu hành.

Vậy bản chất chủ yếu của Phật phái này là gì?

1- Điều đầu tiên, chúng tôi cho rằng, phải quan tâm tới hoàn cảnh xã hội đương thời. Ngày nay, người ta thường quá đề cao Phật phái này, tầm chương trích cú ở lĩnh vực hình nhí thượng để ra công, ra sức “bóp méo” một số sự kiện lịch sử! Không ai bàn tới: tại sao vua Trần lại đề cao Phật giáo dưới một hình thức có phần cách tân. Trong khi đó, sách sử còn ghi rõ ràng về sự xa đoạ cùng cực của các nhà tu hành.

Vào thế kỷ XIII đầu thế kỷ XIV, một số nhà Nho đã phê phán nhiều người tu hành về việc đã làm sai lạc tinh thần Phật giáo... Lần ngược dòng lịch sử, ngay từ sớm, đạo Phật đã được coi như một hệ tư tưởng xã hội bao trùm, mang tư cách đối trọng với các hệ tư tưởng của kẻ xâm lược (ở thiên niên kỷ thứ nhất). Đạo Phật vào Việt ít nhất bằng ba

con đường (Nam, Bắc, Tây- Bắc), và, có lẽ hướng Tây-Bắc đã thực sự có một ảnh hưởng to lớn (dù cho có thể hướng này được dân Việt quan tâm chậm hơn hướng Nam). Quá trình dân dã hóa đã tạo cho tinh thần cơ bản của Phật giáo ăn nhập vào xã hội bình dân, khiến cho tầng lớp thống trị (ở giai đoạn đầu của thời độc lập tự chủ) đã phải chọn đạo Phật làm hệ tư tưởng chính để tập hợp quần chúng. Nhưng, đạo Phật thực chất là một hệ triết học vô thần, từ bi nhưng thoát tục, không bao giờ có đủ khả năng tổ chức xã hội. Vì vậy, dù cho Phật phái *Tinidaluchi* (*Vinitarusi*) đã có công rất lớn trong việc dựng lên triều Lý (mà theo Lê Văn Lan, công đầu thuộc về người cha nhiều bề của Lý Công Uẩn - tức thiền sư Vạn Hạnh), song nhà Lý vẫn phải chuyển sang phái Thảo Đường - đã một thời gian dài, nhiều người đi sâu vào giáo lý để cố tìm ra cái riêng độc đáo của Phật phái này, họ đã quên đi thực tế về chính tâm hồn Việt là chỉ quen thờ Phật theo lối thiêng (ít đi sâu vào yêu cầu trừu tượng thuộc lĩnh vực hình nhí thượng). Vậy thực chất của Phật phái này là gì? Nhiều nhà nghiên cứu Phật học từng biết, gốc của Thảo Đường bắt nguồn từ Trung Quốc, với chủ trương dung hòa giữa Phật và Nho, đem nhà Nho đến với Phật đài... Đường thời, Phật phái này đã đáp ứng được ít nhất hai yêu cầu cơ bản - không hạn chế

nhu cầu tín ngưỡng của quần chúng, không thay đổi hệ tư tưởng vốn đã ảnh hưởng tới xã hội trong cả nghìn năm trước, không phủ nhận công lao của đạo Phật trong việc góp phần giành độc lập của dân tộc (đối trọng với các hệ tư tưởng lớn do kẻ xâm lược đưa vào).

Trong hoàn cảnh của đương thời thì việc khẳng định nền độc lập dân tộc là một vấn đề sống còn, nó đồng nhất với việc khẳng định về vương triều nhà Lý - Nhưng, muốn vậy thì không thể chỉ sử dụng Phật giáo và vai trò của các thiền sư được, mà đương thời chỉ có một giải pháp thích hợp nhất là phải sử dụng cả Nho giáo cùng các Nho sĩ - cho nên dù cho Lý Thánh Tông là thế hệ thứ hai của Phật phái Thảo đường thì ngay trong đời ông Văn miếu vẫn được dựng (1070 - 1072) kèm theo sau đó là việc thi tam giáo cũng đã được tổ chức - Một hệ quả khác khiến chúng ta có nhiều ngờ vực là: liệu có sự độc tôn của Phật giáo để mang tư cách là một quốc giáo, hay có thực vua Lý đã từng thương dân như con? Tuy nhiên, có thể coi tất cả những sự kiện này là lẽ tất yếu trên bước đường phát triển. Một hệ quả khác lớn hơn rất nhiều là sự tôn trọng Nho giáo khiến tầng lớp Nho sĩ ngày càng đông đảo và có quyền lực.

Lịch sử đã chỉ ra, chính các học trò của Khổng Tử đã không theo được đầy đủ đạo và đức của ngài, mà dần dần đã có những biểu hiện tiêu cực như quá sùng bái nền văn hoá phương Bắc, coi thường văn hoá dân tộc, đó là một trong những mầm mống cơ bản để kẻ xâm lược lợi dụng. *Đại Việt sử ký toàn thư* có ghi rõ rằng: "...ngày 15 (tháng 11- 1370) vua (Nghệ Tông) lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu (Thiệu Khánh), đại xá. Vua tự xưng là Nghĩa Hoàng. Mọi công việc đều theo lệ cũ đời Khai Thái (1324-1329). Vua từng nói: Triều trước dựng nước có luật pháp, chế độ riêng, không theo quy chế của nhà Tống, là vì Nam Bắc nước nào làm chủ nước đó, không phải bắt chước nhau. Khoảng năm Đại Trị (1358- 1369), bọn học trò mặt trắng được dùng, không hiểu ý nghĩa sâu xa của việc lập pháp, đem phép cũ của tổ tông đổi theo tục phương Bắc cả, như về y phục âm nhạc... thật không kể xiết..."

(Ngô Sĩ Liên - Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 3, phần bản kỷ). Có thể nói rằng, đây là một hướng để chúng ta suy ngẫm về Phật phái Trúc Lâm nhất là về đệ tam tổ Huyền Quang.

Trước hết, có lẽ nên thấy rằng, Phật phái Trúc Lâm gắn liền với tinh thần yêu nước, một hệ tư tưởng mà người đương thời muốn dựa vào để tạo thế cân bằng khi mà lòng tin vào Nho giáo đã có phần suy giảm. Trong thực tế lịch sử Việt Nam, đạo Nho đã được quân xâm lược đưa vào từ đầu thiên niên kỷ thứ I. Đạo này với mục đích "Tề gia - trị quốc - bình thiên hạ..." luôn được tầng lớp thống trị đưa vào để xây dựng tổ chức chính quyền cả ở cấp trung ương và địa phương. Nhưng đạo Nho chỉ thích hợp với một chế độ mà sự phân hoá xã hội đã cao, tầng lớp quý tộc địa chủ đã vững mạnh, còn ở nước ta, bệ đỡ xã hội cho chế độ lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng chính thống tỏ ra không thích hợp, chủ yếu Nho giáo chỉ gắn với thượng tầng, rồi từ đó dội vào xã thôn bình dân hình thức Đạo và Đức của Nho giáo không được người dân tuân theo. Đó cũng là điều khiến cho xã hội luôn bị biến động. Cộng thêm là sự lầm hướng của nhiều Nho sĩ, để tất cả hội lại, đã tạo nên một sự bất ổn định. Nguy cơ này là thường trực, nên mặt nào, để bảo tồn bền vững nền độc lập dân tộc, vua Trần đã tìm một giải pháp là đề cao trở lại Phật giáo. Hình thức này cũng đã thấy lặp đi lặp lại ở nhiều giai đoạn lịch sử. Thực tế ở nước ta có một lẽ đương nhiên là: nếu chưa có một hệ tư tưởng mới đủ sức thay thế, khi lòng tin vào Nho giáo bị khủng hoảng thì người ta "nhìn" sang Phật giáo và ngược lại (cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII), và khi lòng tin vào cả hai hệ này bị khủng hoảng thì người đương thời đã khéo kết hợp chúng lại (thời Tây Sơn). Trở lại thế kỷ XIV, trong "Việt Nam Phật giáo sử luận" (chương XIV mục Thiền sư Huyền Quang). Tác giả Nguyễn Long đã cho thấy: các nhà sư trong đó có Huyền Quang đã chán việc ngoài đời, xã hội bắt đầu đã chia rẽ vì lý do tranh chấp ý thức hệ (Phật - Nho)... khi mà Nho thần nghĩa rằng, chỉ có Nho giáo mới lãnh đạo được đất nước, còn Phật giáo là tín ngưỡng có hại cho quốc gia. Một hệ thống chùa chiền, sư sãi dựa

quá nhiều vào thế lực triều đình mà không biết quay về tìm thế đứng trong dân gian, thì một khi sự ủng hộ của triều đình không còn, sẽ khiến hệ thống ấy thiếu chỗ dựa và hiện tượng suy đổi là chuyện hiển nhiên phải tới... Qua đây có thể thấy rõ ràng mấy đặc điểm của xã hội như sau:

- Có một sự thay ngôi ở hệ tư tưởng chính của xã hội. Nho sĩ đã đủ sức mạnh đẩy các thiền/quốc sư rời khỏi chính trường/triều đình. Kèm theo đó nhiều Nho sĩ bỏ quên truyền thống văn hóa dân tộc, nhiều nhà tu hành Phật giáo đã nặng tính đời hơn đức đạo. Vì thế việc hình thành Phật phái Trúc Lâm có thể coi là một tất yếu của lịch sử. Nhưng để nhằm mục đích gì? Trước hết là phải hiểu từ Trúc Lâm (Trúc là cây trúc, lâm là rừng). Trúc Lâm là rừng trúc, trong đó cây trúc đã mang rất nhiều ý nghĩa cao siêu vượt lên trên sự tầm thường của hình thể. Đó là:

+ Dòng thẳng, tượng trưng cho người quân tử.

+ Thân có đốt, được coi như một trục đi về của thần linh, mang tư cách trục vũ trụ.

+ Cũng như tre, dù gấp bão tố, cũng ít khi bật gốc, nghiêng ngả do bão dật, cuối cùng vẫn hiên ngang đứng dậy, hiện tượng này như nói lên ý nghĩa "tuỳ duyên mà hoá độ".

+ Có thân rỗng, như một biểu tượng cho tâm "không" thuộc đạo lý nhà Phật (người nhà Phật thường nói: "không tức thị sắc - sắc tức thị không"). Tạm có thể hiểu: nếu lấy đầu lông thỏ, chia nhiều lần theo số 7, ta được từ Mao thỏ trần, tới Thuỷ trần, Kim trần, Sắc tụ trần, Cựu ti, Lan tư trần rồi cuối cùng là Sắc biến tể tướng. Tới đây, quá nhỏ không thể chia được nữa, đồng thời nó cũng không còn mang tính chất của lông thỏ hay của bất kể vật thể nào. Đó là "không" mang tính bản thể của muôn loại muôn vật. Rồi do duyên (những lý do/diều kiện khác nhau) chúng kết tụ lại thành muôn loài vật (đó là sắc). Tuy nhiên, mọi loại và vật đều có sinh tất có diệt theo quy luật thường hằng của tạo hoá, có nghĩa "sắc tức thị không". Vậy, tạm có thể hiểu hai chữ "không" này khác hẳn nhau, một là bản thể khởi nguyên của muôn loài muôn vật, gốc của sự sinh; một là

gắn với quy luật phủ định, gốc của sự tử...).

Như vậy, Trúc Lâm nên hiểu là sự hội tụ đông đảo chúng sinh để cùng hướng về cội nguồn bản thể... là hướng về đạo Phật để gìn giữ truyền thống bản sắc. Và, ẩn nghĩa của nó là một tinh thần yêu nước cao độ, trước xu thế phát triển của Nho giáo và một bộ phận Nho sĩ sai đường. Đó cũng là tinh thần của đệ nhất đầu đà Trúc Lâm Trần Nhân Tông. Tinh thần này cũng là bệ đỡ của "Hoà quang đồng trần" của "Phổ Minh", "Phổ Quang", của "Đại Bi", "Niết bàn vô trụ xứ". Và trên hết là một tinh thần Thiền không ranh giới hoà cùng Tịnh và Mật. Nhìn chung, có thể thấy, Trần Nhân Tông là người chủ xướng ra một Phật phái gắn với tinh thần yêu nước. Sau ông là Pháp Loa và Huyền Quang, có lẽ đó là 2 người cùng một thế hệ tu hành dù cho Huyền Quang hơn Pháp Loa tới 30 tuổi. Người đời thường cho rằng Huyền Quang là "đồ đệ" của Pháp Loa, nhưng thực ra ông xuất gia năm 51 tuổi (1305) sau Pháp Loa một năm, ông theo học thiền sư Bảo Phác. Năm 1306, khi về dự lễ ở chùa Siêu Loại, được Trúc Lâm đệ nhất đầu đà thu nạp làm tuỳ tùng. Ông được đệ nhất tổ rất khen ngợi và cho đi vân du thuyết pháp khắp nơi. Rồi sau đó được trụ trì tại chùa Vân Yên (Yên Tử).

Phật phái Trúc Lâm nhờ có sự bảo hộ/trợ của triều đình mà mở rộng khắp nơi trong đất Đại Việt. Hiện nay, nhiều dấu tích chùa thời Trần vẫn còn tồn tại ở ven các triền sườn và các trung tâm Phật giáo đương thời, như các chùa làng ở ven sông Đáy, sông Hồng... và đặc biệt là các chùa ở núi cao gần các con đường có tính chiến lược hay dòng sông giao thông chính. Có thể kể đến, ở phía Nam đã có dấu tích di sản văn hóa thời Trần ở trong khuôn viên chùa Hương - Hà Tĩnh rồi tượng chùa hiện còn đã mang niên đại từ cuối thế kỷ XVI tới nay. Từ nơi đây có thể theo dõi được sự di chuyển của tàu thuyền ở ven biển. Ở phía Bắc chúng ta đã thấy bia chùa của thời Trần ở tận Hà Giang, chùa ở núi Khuôn Khoai, Tuyên Quang, rồi dấu tích chùa thời Trần ở trên đỉnh núi thuộc Hạ Hoà, Phú Thọ... Cũng như vậy có thể xếp vào đó cả chùa Yên Tử ở Quảng Ninh... Chúng tôi cho rằng, đã là

chùa thì gắn với Phật giáo nhưng với độ cao và vị trí của nó lại có khả năng kiểm soát đường đi lối về của kẻ xâm lược, thì thực chất các chùa này còn như những tiền đồn gác phản bảo vệ đất nước. Như vậy, một thoáng gợi ra trong suy nghĩ của chúng tôi là, Phật phái Trúc Lâm và nhiều ngôi chùa của nó có lẽ còn được ra đời bởi yêu cầu chính trị xã hội và cả quân sự, có ý thức bảo vệ chủ quyền đất nước và cả ý thức về bản sắc văn hóa dân tộc nữa. Trong sự phát triển, chùa thời Trần là một trung tâm văn hóa của cộng đồng, từ nơi đó ngoài ánh sáng Phật pháp rọi vào các cuộc đời bụi bặm, thì nó cũng cần phải được dân gian hóa để phù hợp với nhu cầu của quần chúng (khi mà nhiều nhà tu hành đã nhuốm màu trần tục). Thực tế lịch sử cho thấy, đương thời Mật tông Tây Tạng đang tràn lan khắp nơi, tới Trung Hoa, Mông Cổ, Triều Tiên, Nhật Bản và chắc chắn nó đã có con đường thâm nhập vào Đại Việt từ rất sớm. Trong hoàn cảnh như nêu trên, có thể Mật tông Tây Tạng đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của nhiều người Việt. Có lẽ đó là một bệ đỡ để Huyền Quang tham gia vào việc bổ sung những đơn nguyên kiến trúc mới trong ngôi chùa Việt. Tuy ông ít lập chùa hơn Pháp Loa, nhưng ông có ý thức chuyển hóa tích cực tinh thần hình nhí thương của đạo sang đậm chất bình dân qua hình thức Mật tông, với việc quan tâm tới ấn quyết và trì chú, đôi khi nhuộm màu Đạo giáo phù thuỷ. Trong nỗi hảm oan về việc Thị Bích, ở đại hội Vô Già do Vua cho lập, được làm chủ hội, ông "ngửa mặt lên trời thổi một hơi, lèn đòn ba lượt, xuống đòn ba lượt, vọng bái thánh hiền mười phương, tay trái cầm bình

bạch ngọc, tay phải cầm nhánh dương xanh, mât niêm thần chú rưới khắp trên dưới Pháp điện. Bỗng thấy một đám mây đen hiện lên, bụi bay đầy trời mù mịt. Một lúc trời sáng thì mọi tạp vật trên Pháp điện đều bị cuốn bay hết chỉ còn lại hương đăng và lục cúng - Ai ai cũng đều thất sắc kinh hoàng. Vua thấy hạnh pháp của sư thấu cả thiên địa, liền rời chỗ ngồi, lạy xuống để tạ lỗi..." (Nguyễn Lang, sđd). Như vậy, tạm có thể nghĩ rằng: Huyền Quang xuất thân là một nhà Nho, xuất gia theo Phật, uyên thâm đạo Pháp, và có nhiều hành xử của Đạo gia. Có thể từ sự uyên bác đó mà ông đã cho dựng ở nhiều ngôi chùa với cây tháp "Cửu phẩm liên hoa" chăng? Với cây tháp quay này (qua điều tra hồi cố và sách vở) ít nhất cũng thấy điểm tới ở chùa Bút Tháp, chùa Côn Sơn và một vài chùa khác. Đây là cây tháp quay được, nó có bóng dáng của cối kinh gốc từ Tây Tạng, đồng thời có 9 tầng hoa sen biểu tượng của thế giới Tây Phương nơi A Di Đà làm giáo chủ, ngoài ra các tầng còn gắn với nhiều hình bóng của Thiền tông. Suy rộng ra cây tháp này là một biểu tượng về sự tổng hòa các Phật phái lớn như mang nghĩa từ 84000 pháp môn chảy về "Nhất chính đạo", tức về miền giải thoát.

Chỉ tiếc rằng Phật phái Trúc Lâm và Huyền Quang sinh ra không hợp thời nên khi tam tổ khuất núi thì Trúc Lâm cũng tàn phai để sau 500 năm mới có Ngô Thời Nhậm tự xưng là đệ tứ tổ. Huyền Quang, một con người đa tài, đa năng, biết dung hội các Phật phái, ông là con người của Phật triết uyên thâm, biết "Hoà quang đồng trần" để Niết Bàn vô trụ xứ./.

H.N

#### HƯƠNG NGUYỄN: SOME THOUGHTS ABOUT TRÚC LÂM BUDDHIST SECT DURING THE TRẦN DYNASTY AND MONK HUYỀN QUANG

The author reexamines the Trúc Lâm Buddhist sect and proposes that this sect was established based on social political needs in order to unify the people and validate the nation's cultural identity on the basis of Buddhism. Especially, by comparing Yên Tử pagoda with similar pagodas in Hà Tĩnh, Tuyên Quang and Phú Tho provinces... the author proposes that Yên Tử pagoda had another function, which was to serve as a guardian place to watch out activities of Mongolian invaders.